

## THÀNH NGỮ, CÁCH NGÔN TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN BÌNH DIỆN VĂN HOÁ, XÃ HỘI, NGÔN NGỮ

Lê Thị Thuỳ Vinh<sup>(1)</sup>, Đỗ Lam Ngọc<sup>(2)</sup>, Bùi Kim Thoan<sup>(3)</sup>

<sup>1</sup>Khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP Hà Nội 2

<sup>2</sup>Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường ĐHSP Hà Nội 2

<sup>3</sup>Khoa Khoa học cơ bản, Trường Sĩ quan pháo binh

Ngày nhận bài 15/6/2020, ngày nhận đăng 26/8/2020

**Tóm tắt:** Thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là những thành ngữ, cách ngôn phản ánh những hiện tượng trong giáo dục, quy trình giáo dục, những góc nhìn của xã hội về giáo dục ở những thời điểm lịch sử khác nhau. Trên cơ sở sâu tâm, tập hợp những thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, bài viết tập trung làm rõ đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa, xác định quá trình hình thành và biến đổi theo thời gian cũng như những dấu ấn văn hoá - xã hội trong những thành ngữ, cách ngôn này, từ đó góp phần nhìn nhận, đánh giá toàn diện về sự phát triển, đổi mới của hệ thống ngôn ngữ tiếng Việt.

**Từ khóa:** Cách ngôn; giáo dục và đào tạo; ngôn ngữ; thành ngữ; xã hội; văn hóa.

### 1. Mở đầu

**1.1.** Từ vựng là một hệ thống mở. Hệ thống từ vựng luôn có sự biến đổi mạnh mẽ trước những tác động của sự phát triển xã hội. Bộ phận biến đổi nhanh nhất trong lòng hệ thống từ vựng là các từ rời. Bộ phận thứ hai là các cụm từ cố định - thành ngữ, quán ngữ, cách ngôn của tiếng Việt. Nhiều thành ngữ, cách ngôn mới xuất hiện trong các ngành, lĩnh vực; nhiều thành ngữ, cách ngôn có sự biến đổi về hình thái - cấu trúc để phản ánh kịp thời sự nhìn nhận, đánh giá trong nhận thức của xã hội. Điều này đã làm cho bộ mặt ngôn ngữ Việt trong xã hội hiện đại càng trở nên khác lạ.

**1.2.** Thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là những thành ngữ, cách ngôn phản ánh những hiện tượng trong giáo dục, quy trình giáo dục, những góc nhìn của xã hội về giáo dục ở những thời điểm lịch sử khác nhau. Lâu nay, những thành ngữ, cách ngôn thuộc các ngành, lĩnh vực nói chung, thành ngữ cách ngôn trong giáo dục đào tạo nói riêng ít được các nhà Việt ngữ học quan tâm tìm hiểu một cách hệ thống. Với ý nghĩa đó, chúng tôi nhận thấy việc thu thập, nghiên cứu các thành ngữ, cách ngôn trong giáo dục đào tạo là một công việc cần thiết góp phần nhìn nhận đánh giá toàn diện về sự phát triển, đổi mới của hệ thống ngôn ngữ đồng thời cũng là những minh chứng tiêu biểu cho sự phát triển ngày càng tiên tiến, đa dạng, đa chức năng hoá của tiếng Việt hiện đại.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Quan niệm về thành ngữ, cách ngôn trong tiếng Việt

Thành ngữ, cách ngôn là những đơn vị ngôn ngữ thường gặp trong lời ăn tiếng nói của người Việt. Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, thành ngữ là “là tập

hợp từ cố định đã quen dùng mà nghĩa thường không thể giải thích được một cách đơn giản bằng nghĩa của các từ tạo nên nó” (Hoàng Phê, 2003). Đỗ Hữu Châu trong “Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt” (1985) cũng khẳng định “thành ngữ là các ngữ cố định thực sự”, “là các cụm từ (có ý nghĩa và cấu tạo là cụm từ) đã cố định hoá có tính chất chặt chẽ, sẵn có, bắt buộc, có tính xã hội như từ” (Đỗ Hữu Châu, 1985). Ở những định nghĩa khác, đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thành ngữ cũng được nhấn mạnh rõ rệt như “thành ngữ là những cụm từ cố định vừa có tính hoàn chỉnh về nghĩa, vừa có tính gợi cảm” (Nguyễn Thiện Giáp, 2008), “thành ngữ là một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc, hoàn chỉnh, bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ” (Hoàng Văn Hành, 2008). Còn cách ngôn là “những câu nói ngắn gọn được lưu truyền, có ý nghĩa giáo dục về đạo đức” (Hoàng Phê, 2003). Cụ thể hơn theo Nguyễn Như Ý (1996) cách ngôn được hiểu là “lời nói có cấu trúc cố định được rút ra từ trong các thể loại khác nhau của Phôn clo hoặc đúc rút từ kinh nghiệm (thường có vần điệu) diễn đạt ý nghĩa một cách có hình ảnh, mang tính chất răn dạy, được sử dụng rộng rãi trong dân gian theo lối truyền khẩu”. Như thế, theo những quan niệm trên, thành ngữ và cách ngôn có những đặc điểm giống nhau:

- Về cấu trúc, thành ngữ và cách ngôn là những tổ hợp từ hoặc lời nói cố định, ngắn gọn, thường có vần điệu.

- Về ngữ nghĩa, thành ngữ và cách ngôn diễn đạt bằng hình ảnh bóng bẩy, có tính xã hội.

- Được lưu truyền và sử dụng rộng rãi trong lời ăn tiếng nói của cộng đồng.

Trên cơ sở những đặc điểm này, chúng tôi đã sưu tầm, tập hợp những thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên các sách báo, tạp chí và các phương tiện thông tin đại chúng để hướng đến làm rõ đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa, xác định quá trình hình thành và biến đổi theo thời gian cũng như những dấu ấn văn hoá - xã hội trong những thành ngữ, cách ngôn này. Cũng trong bài viết này, chúng tôi thống nhất sẽ sử dụng một thuật ngữ chung nhất là thành ngữ, cách ngôn để chỉ những đơn vị này. Bởi vì bên cạnh những trường hợp rõ ràng về ranh giới thành ngữ và cách ngôn cũng xuất hiện những trường hợp chưa thể xác định chính xác.

Ngữ liệu mà chúng tôi tập hợp được là 45 thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Đây là những thành ngữ, cách ngôn chưa được thu thập, nghiên cứu và tập hợp một cách hệ thống. Nó xuất hiện trong lời ăn tiếng nói của những người làm công tác giáo dục hoặc lời ăn tiếng nói của nhân dân khi nói đến những hiện tượng giáo dục. Tính chất phổ biến của những thành ngữ, cách ngôn này có thể không giống nhau nhưng một cách chung nhất có thể thấy nó là những đúc kết của cá nhân nhưng đã được dùng nhiều lần, dùng trong một nhóm người của cộng đồng và có tính chất khái quát.

## **2.2. Đặc điểm ngôn ngữ của thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo**

Ở bình diện ngôn ngữ, các thành ngữ, cách ngôn trong giáo dục đào tạo nói riêng cũng như thành ngữ, cách ngôn thuộc các lĩnh vực nói chung đều là những tổ hợp từ hoặc lời nói có cấu trúc cố định, ngắn gọn, có vần điệu và có tính hình ảnh. Nó là sự đúc kết từ quá trình quan sát, thể nghiệm các hoạt động giáo dục, đào tạo, từ các cách ứng xử trong môi trường giáo dục để hình thành những khuôn hình cấu trúc thành ngữ dễ thuộc, dễ nhớ.

2.2.1. Số lượng thành tố cấu tạo

Trên cơ sở quan niệm thành tố cấu tạo của thành ngữ, cách ngôn là đơn vị hình vị, chúng tôi phân loại 45 thành ngữ, cách ngôn thành các loại cụ thể. Loại có số lượng nhiều nhất là loại 4 thành tố (15 trường hợp), tiếp đến là 3 thành tố (10 trường hợp), những loại 6 thành tố, 7 thành tố, 8 thành tố, 9 thành tố có số lượng tương đương nhau chiếm tỉ lệ ít hơn (6 thành tố: 5 trường hợp; 7 thành tố: 4 trường hợp; 8 thành tố: 6 trường hợp; 9 thành tố: 5 trường hợp). Dưới đây là các loại thành ngữ, cách ngôn và một số thí dụ cụ thể trong từng loại (sắp xếp theo trật tự từ loại có số lượng nhiều đến loại có số lượng ít):

- Loại 4 thành tố: *Trường chuyên lớp chọn, Vở sạch chữ đẹp, Dạy tốt học tốt, Bám trường bám lớp, Cháy máu chất xám, Trẻ hóa đội hình,*
- Loại 3 thành tố: *Gỗ đầu trẻ, Ốc bả đậu, Ngồi nhầm lớp, Bán cháo phôi, Buôn nước bọt*
- Loại 6 thành tố: *Bài chưa xong, lòng chưa yên; Nhất giám thị, nhị dự giờ; Trai trường lái, gái trường y; Thứ bảy máu chảy về tim...*
- Loại 8 thành tố: *Dốt như chuyên tu, ngu như tại chức; Trường học thân thiện, học sinh tích cực...*
- Loại 7 thành tố: *Được giấy khen ho hen chẳng còn; Dạy toán, học văn, ăn thể dục...*
- Loại 9 thành tố trở lên: *Cơm trường Một, nước trường Hai, gái trường Ba; Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục...*

Theo chúng tôi, loại 4 thành tố có số lượng nhiều hơn cả bắt nguồn từ đặc trưng cơ bản là tính ngắn gọn, tính cân đối, hài hòa (do nhịp chẵn). Đối sánh giữa hai loại thành ngữ, cách ngôn có thành tố chẵn (4-6-8) và thành ngữ, cách ngôn có thành tố lẻ (3-7-9), chúng tôi cũng nhận thấy số lượng thành ngữ, cách ngôn có thành tố chẵn chiếm tỉ lệ cao hơn. Điều này cũng phù hợp với truyền thống ngữ văn Việt Nam xưa: ý tứ nằm ở tiết tấu và vần nhịp; người Việt ưa nhịp chẵn, nhịp đôi, tiết tấu mềm mại, nhịp nhàng.

2.2.2. Một số mô hình cấu tạo tiêu biểu

2.2.2.1. Mô hình cấu tạo thành ngữ, cách ngôn loại 4 thành tố

15 trường hợp 4 thành tố được cấu tạo theo 2 mô hình cơ bản

- Mô hình 1 là mô hình có cấu trúc 2 bậc; bậc 1: N2 phụ cho N1, N4 phụ cho N3; bậc 2: N1 - N2 và N3 - N4 có sự tương đương (N: thành tố trong cấu trúc).



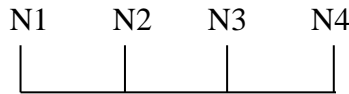
Đây là mô hình phổ biến nhất các thành tố sắp xếp có tính đối xứng, hài hòa nên dễ thuộc, dễ nhớ, dễ lưu truyền. Thí dụ: *Trường chuyên lớp chọn; Vở sạch chữ đẹp; Trường văn, trận bút...* (mô hình danh từ); *Chạy trường chạy lớp; Dạy tốt học tốt; Làm công ăn lương; Mua điểm bán bằng...* (mô hình động từ).

- Mô hình 2 là mô hình có cấu trúc 2 bậc; bậc 1: N2 phụ cho N1, N4 phụ cho N3; bậc 2: cả N3 và N4 phụ cho N1 và N2 để tạo ra một thành ngữ trong đó các thành tố có quan hệ chính phụ.



Thí dụ: thành ngữ *chảy máu chất xám* là thành ngữ được cấu tạo theo mô hình cấu trúc này. Trong cấu tạo thành ngữ *chảy máu chất xám* thì “chảy máu” là thành tố chính, “chất xám” là thành tố phụ. Tương tự với những trường hợp khác: *Tiếng trống Bắc Lý, trẻ hóa đội hình, sự phạm gốc mít...*

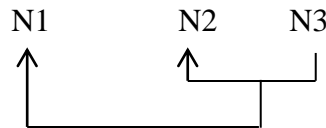
- Mô hình 3: mô hình có cấu trúc 1 bậc trong đó N1, N2, N3, N4 có quan hệ đẳng lập với nhau.



Trường hợp thành ngữ *com áo gạo tiền* là trường hợp các thành tố đều có quan hệ đẳng lập với nhau.

#### 2.2.2.2. Mô hình cấu tạo thành ngữ, cách ngôn loại 3 thành tố

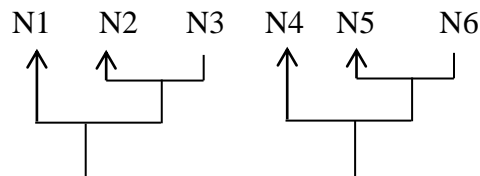
Thành ngữ, cách ngôn loại 3 thành tố có số lượng ít hơn so với loại 4 thành tố, tuy nhiên trong tương quan với các loại khác, thành ngữ, cách ngôn loại này vẫn chiếm một số lượng lớn hơn cả. Mô hình cấu tạo của thành ngữ, cách ngôn loại này như sau: Bậc 1: N3 phụ cho N2; Bậc 2: cả N3 và N2 phụ cho N1.



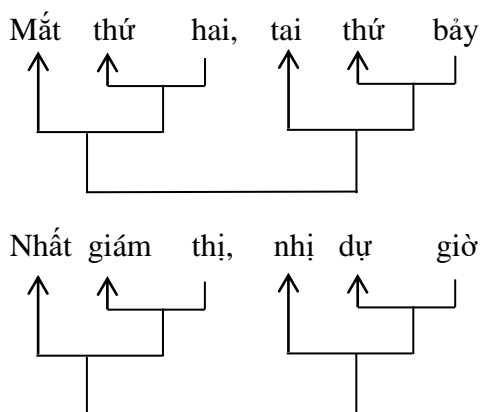
Chẳng hạn trong kết cấu *ngồi nhâm lớp*, bậc 1 là quan hệ *lớp* phụ cho *nhâm* tạo thành kết cấu chính phụ *nhâm lớp*, sau đó kết cấu này phụ cho *ngồi* trong quan hệ bậc 2 để tạo ra thành ngữ *ngồi nhâm lớp*, trong đó *ngồi* giữ vai trò trung tâm. Tương tự, còn có những thành ngữ khác như *gõ đầu trẻ, óc bã đậu, buôn nước bọt, nuôi gà chọi...*

#### 2.2.2.3. Mô hình cấu tạo thành ngữ, cách ngôn loại 6 thành tố

Điển hình nhất là mô hình có cấu trúc 3 bậc. Bậc 1: N3 phụ cho N2, N6 phụ cho N5. Bậc 2, cả N2 và N3 phụ cho N1; cả N5 và N6 phụ cho N4. Bậc 3, cả N1, N2, N3 tương đương với N4, N5, N6. Điều này đã tạo ra cấu trúc sóng đôi, đối xứng, nhịp nhàng.

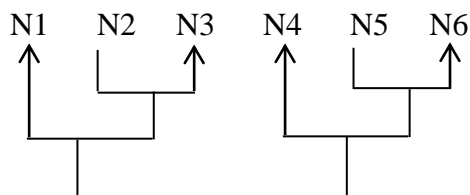


Thí dụ, ở thành ngữ, cách ngôn “*trai trường lái, gái trường y*”, ở bậc 1, *lái* phụ cho *trường* tạo thành tổ hợp *trường lái*; *y* phụ cho *trường* tạo thành tổ hợp *trường y*. Ở bậc 2, *trường lái* phụ cho *trai* tạo thành *trai trường lái*, *trường y* phụ cho *gái* tạo thành *gái trường y*. Ở bậc 3, tổ hợp *trai trường lái* tương đương với *gái trường y* tạo thành thành ngữ, cách ngôn *trai trường lái, gái trường y*. Trong những trường hợp khác, chúng ta cũng thấy kết cấu tương tự. Thí dụ:

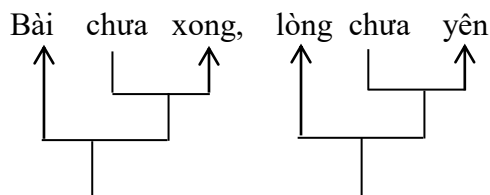


Ngoài ra, cấu tạo thành ngữ, cách ngôn loại 6 thành tố còn có 1 mô hình khác.

Mô hình có cấu trúc 3 bậc. Bậc 1: N2 phụ cho N3; N5 phụ cho N6. Bậc 2: cả N2 và N3 phụ cho N1; cả N5 và N6 phụ cho N4. Bậc 3: N1, N2, N3 tương đương với N4, N5, N6.



Thí dụ:



### 2.2.3. Tính chất biểu trưng của thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Biểu trưng là đặc điểm cơ bản của các thành ngữ, cách ngôn nói riêng và ngữ cố định nói chung. Nhờ vào đặc điểm biểu trưng những nội dung phức tạp, khái quát, trừu tượng được diễn đạt thông qua “*những bức tranh nhỏ về vật thực, việc thực*” (Đỗ Hữu Châu, 2000). Nói khác đi, từ những sự vật, sự việc, tình huống cụ thể nhất định trong cuộc sống, người ta đã liên hội tới những sự vật, cảnh ngộ, tình huống tương tự khác. Tất nhiên giá trị biểu đạt này có tính chất rộng, hẹp khác nhau. Từ xưa đến nay, người ta vẫn thường ví von nghề dạy học là nghề “bán cháo phôi”. Với đặc trưng của nghề là phải nói nhiều, hay phải viết bằng bằng phấn, người giáo viên rất hay bị những bệnh liên quan đến đường hô hấp như viêm họng, viêm thanh quản, viêm phổi... Cụm từ “cháo phôi” cũng từ đó mà ra đời và *bán cháo phôi* trở thành một thành ngữ để biểu thị những vất vả, gian khó của nghề dạy học. Tương tự, trường hợp *buôn nước bọt* cũng vậy. Với hình ảnh cụ thể “nước bọt”, dân ta muốn thể hiện đặc trưng của nghề giáo, nghề của sự nói năng, nghề hay phải nói, nói nhiều. Cũng vậy, *nuôi gà chọi* vốn là một thành ngữ có nghĩa gốc để chỉ một mô hình chăn nuôi tập trung trong nông nghiệp. Cụ thể là người

dân nuôi những giống gà (gà đòn và gà cựa) với mục đích để tham gia vào một thú chơi giải trí mang màu sắc dân gian - thú chơi chơi gà. Vì thế, những giống gà chơi này sẽ được nuôi dưỡng, huấn luyện, chăm sóc kì công để có thể trở thành một chú “chiến kê” dũng mãnh. Từ nghĩa gốc của thành ngữ “nuôi gà chơi”, trong giáo dục người ta thường dùng để biểu thị việc đào tạo, huấn luyện người học theo kiểu nhồi nhét kiên thức để đem kiến thức “đổi chơi” với những cuộc thi, giành danh tiếng, hào quang cho gia đình, nhà trường. Thí dụ “*Không muốn nuôi gà chơi, nhiều người đồng tình bỏ trường chuyên*” (Hữu Sơn, 2018).

Thành ngữ *su phạm gốc mít* cũng đem lại cho người đọc, người nghe những ấn tượng sâu sắc thông qua những hình ảnh cụ thể mang tính xã hội cao. Thời kì chiến tranh, chúng ta cần đào tạo một số lượng giáo viên lớn trong thời gian ngắn nên đã mở nhiều lớp học. Vì điều kiện chiến tranh, không có phòng học nên người học có khi phải học luôn dưới bóng cây. Cây mít có tán rộng, mát mẻ nên người học thường học dưới bóng cây mít.

Ở đây, thành ngữ đã dùng hình ảnh “gốc mít” để nói về nguồn gốc đào tạo của giáo viên. Cụ thể là một số giáo viên không được đào tạo chuẩn chỉ, bài bản tại những cơ sở tin cậy theo đúng lộ trình đào tạo mà thường do hoàn cảnh hay học lực kém mà phải học theo kiểu “vòng”, “quanh”, thời gian dài, rồi bỏ túc, bỏ trợ, bồi dưỡng thêm chuyên môn, nghiệp vụ bằng các chứng chỉ, bằng cấp. Cách nói *su phạm gốc mít* là một cách nói vui của dân gian và thường được đặt trong sự đối lập với “*su phạm chuẩn*” (giáo viên được đào tạo liên tục, tập trung trong 4 năm ở các trường ĐHSP).

Thành ngữ *chảy máu chất xám* cũng mang đặc tính biểu trưng rõ nét. *Chảy máu chất xám* là hiện tượng thất thoát nguồn nhân lực giỏi ra nước ngoài làm việc. Thành ngữ được cấu tạo ban đầu dựa trên sự chuyển nghĩa hoán dụ (chất xám để chỉ trí tuệ của con người - lấy cơ quan chức năng để chỉ chức năng), sau đó có sự tác động của chuyển nghĩa ẩn dụ (chảy máu để chỉ tình trạng mất hay thất thoát - tương đồng về cách thức). Thí dụ “*Ngay cả khi các quốc gia đánh mất một phần nhân tài vào xu hướng “chảy máu chất xám”, kết quả đem lại vẫn ở chiều hướng tích cực khi trình độ học vấn của cả đất nước đi lên*” (Nguyễn Khắc Giang, 2019). Hiện nay thành ngữ này đã được thuật ngữ hóa và được dùng phổ biến trong lĩnh vực giáo dục đào tạo cũng như lời ăn tiếng nói của nhân dân.

Như vậy, các thành ngữ, cách ngôn ở nghĩa trực tiếp thường gọi ra những vật thực, việc thực, hình ảnh thực mang đến cho người nghe những ấn tượng mạnh mẽ. “*Đó là những phác thảo văn học đã cố định hóa thành phương tiện giao tiếp*” (Đỗ Hữu Châu, 2000). Từ đó thông qua cơ chế biểu trưng với hai phương thức chuyển nghĩa cơ bản là ẩn dụ và hoán dụ, những thành ngữ, cách ngôn này được nâng lên để diễn đạt những nội dung phức tạp biểu hiện ý nghĩa khái quát, trừu tượng, có giá trị phổ biến. Cũng vì thế những thành ngữ, cách ngôn thường dùng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo có thể có sự dịch chuyển sang dùng trong những phạm vi xã hội khác.

### **2.3. Đặc điểm văn hóa, xã hội của thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo**

#### **2.3.1. Tư liệu mang dấu ấn giáo dục đào tạo**

Các thành ngữ, cách ngôn thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo là sự đúc kết từ thực tế muôn mặt của lĩnh vực này. Vì thế các sự vật, hiện tượng được đưa vào làm nên tư liệu

của thành ngữ, cách ngôn cũng mang theo màu sắc “giáo dục” rõ nét. Có thể tạm thời tập hợp thành các nhóm sau đây:

Cơ sở vật chất, tài liệu học tập trong giáo dục đào tạo: *trường, trường lái, trường y, trường Một, trường Hai, trường Ba, lớp, vở, bài, bút, giấy khen...*

Hoạt động trong giáo dục đào tạo: *dạy, học, dự giờ, thi cử, mua, bán...*

Hiện tượng trong giáo dục: *ngồi nhầm lớp, bệnh thành tích, tiêu cực, chảy máu chất xám, trẻ hóa...*

Đặc điểm, tính chất của chủ thể tham gia hoạt động giáo dục: *thân thiện, tích cực, dốt, ngu, óc bả đậu, óc củ chuối...*

Nhìn vào những tư liệu mang dấu ấn “giáo dục” này có thể nhận diện được những thay đổi trong giáo dục theo sự phát triển của xã hội. Thí dụ hiện nay xuất hiện những tư liệu về những đối tượng, hoạt động mới như: *mua, bán, chuyên tu, tại chức, chân ngoài, chân trong, tiêu cực, bệnh thành tích...* Sự xuất hiện những tư liệu này cho thấy lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã có những thay đổi nhất định theo thời cuộc.

### 2.3.2. Đặc điểm xã hội - văn hóa của thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo qua các thời kì lịch sử

Mỗi thành ngữ, cách ngôn vừa biểu đạt các sự vật, hiện tượng, hoạt động, tình thế trong đời sống vừa gợi ra những ấn tượng sâu đậm về con người, xã hội, văn hóa ở những thời kì lịch sử khác nhau. Qua đó, những thành ngữ, cách ngôn này cũng bộc lộ thái độ, tình cảm, cảm xúc của người nói một cách ngắn gọn, hàm súc.

Ông cha ta khi nói về nghề dạy học vẫn thường quan niệm đó là cái nghề “gỗ đầu trẻ”. Cụm từ này gắn liền với hình ảnh các thầy đồ dạy học, các thầy thường có một chiếc thước kẻ với tính năng vừa là dụng cụ để giảng dạy vừa là công cụ để trừng phạt. Hiện nay, cụm từ này không sử dụng phổ biến bởi quan niệm về dạy học đã có những thay đổi.

Nghề dạy học là “nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý”. Tuy nhiên, trước thời kì đổi mới, dân gian quan niệm “*chuiot chạy cùng sào mới vào sư phạm*”. Thành ngữ này cho thấy nghề giáo thời điểm đó luôn bị xã hội coi thường bởi nghề giáo nghèo, thầy giáo chỉ “*làm công ăn lương*”, suốt ngày lo “*com áo gạo tiền*”, không có kế sinh nhai nào khác ngoài lương ba cọc ba đồng, mặc dù thi đại học sư phạm lúc đó rất khó. Sau này, khi nhà nhà vào đại học, người người vào đại học, câu thành ngữ này lại thêm nghĩa chỉ những kẻ học lực kém, không thể thi vào ngành nào mới thi vào sư phạm. Cũng nói về sự “thấp kém” của nghề giáo so với những nghề khác, dân gian còn hay nói “*Nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách khoa, Sư phạm bỏ qua*” (hoặc *Nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách khoa, qua loa Sư phạm*). Hiện nay, cách ngôn này vẫn được dân gian truyền khẩu mặc dù vị thế của nghề giáo, sự thu nhập của giáo viên đã tăng lên ít nhiều.

Cũng nói về cái sự giảng dạy, học hành trong ngành giáo, những năm 60, 70 của thế kỉ XX, người ta hay khuyên nhau “*dạy Toán, học Văn, ăn Thẻ dục*”. Câu cách ngôn này đã tổng kết một kinh nghiệm thực tế: giáo viên dạy Toán thường nhàn nhã hơn vì ít phải nói, có thể ra bài tập cho học sinh tại lớp, rồi ngồi nghỉ, chờ chữa bài. Học Văn thì chỉ ngồi nghe, thưởng thức. Còn dạy Thẻ dục, giáo viên được hưởng tiêu chuẩn lương thực lao động nặng, hơn giáo viên các môn khác. Tương tự, trong trường sư phạm luôn luôn truyền miệng câu nói thú vị “*Com trường Một, nước trường Hai, gái trường Ba*”. Đây là câu nói xuất hiện trong thời kì bao cấp, khi đó trường Một là Trường ĐHSPT Hà Nội 1 (đào tạo các ngành KHXX), trường Hai là Trường ĐHSPT Hà Nội 2 (đào tạo các

ngành KHTN), trường Ba là Trường ĐHSPT Ngoại ngữ. Trường Một, trường Hai, trường Ba lúc đó vẫn nằm trong một quần thể ở khu vực Cầu Giấy, Hà Nội. Nói “cơm trường Một, nước trường Hai, gái trường Ba” là để nhấn mạnh đặc trưng, yếu tố nổi bật nhất, tốt nhất của từng trường. Cụ thể là: muốn ăn uống ngon thì đến trường Một, muốn có nguồn nước tốt hãy đến trường Hai, muốn gặp con gái xinh đẹp lại đến với trường Ba.

Vào những năm 60,70 của thế kỉ XX, toàn miền Bắc đẩy mạnh phong trào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước xác định phương châm giáo dục là học đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội, Trường cấp 2 Bắc Lý đã nổi lên như một điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước. Hầu như đi đến đâu, người ta cũng nói về Bắc Lý và phong trào “Hai tốt”. Trong hội nghị 3 năm xây dựng nhà trường XHCN (1958-1961) tại thị xã Phú Lì, Trường cấp 2 Bắc Lý là lá cờ đầu của toàn ngành giáo dục và Bộ trưởng giáo dục Nguyễn Văn Huyền đã mời đại diện nhà trường đứng lên gióng một hồi trống vang dội mở màn cho cuộc vận động thi đua “Hai tốt”. Cũng từ đó thành ngữ *tiếng trống Bắc Lý* ra đời và cứ nhắc đến *tiếng trống Bắc Lý* nhân dân ta lại cùng nhắc nhở nhau về một điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua tại hậu phương miền Bắc 1954-1975.

Cũng từ phong trào thi đua này, thành ngữ *dạy tốt học tốt* đã trở thành một khẩu hiệu trong các nhà trường cho đến ngày nay. Những phong trào thi đua khác trong ngành giáo dục hàng năm đều được các sở giáo dục, phòng giáo dục phát động như “*vở sạch chữ đẹp*”, “*rèn chữ, giữ vở*”, “*rèn nét chữ - luyện nét người*”, “*học thực chất, thi thực chất*”...

Thời kì khủng hoảng kinh tế, lạm phát ở mức cao, hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển, công bằng xã hội bị vi phạm, pháp luật kỉ cương không nghiêm, trong lĩnh vực giáo dục đào tạo cũng xuất hiện những biểu hiện tiêu cực, làm xói mòn các nguyên tắc cơ bản của giáo dục và gây tác hại lâu dài cho xã hội. Nhiều thành ngữ, cách ngôn mới ra đời đã phản ánh được hiện thực giáo dục đó như hiện tượng tiêu cực trong tuyển sinh, chuyển trường (*chạy trường chạy lớp*), hiện tượng chạy điểm (*mua điểm bán bằng, bằng thật chất lượng giả (rôm)*), hiện tượng làm thêm ngoài (*chân ngoài dài hơn chân trong*), hiện tượng học theo các hệ không tập trung để hoàn thiện bằng cấp (*dốt như chuyên tu, ngu như tại chức*)... Những hiện tượng này hiện nay vẫn diễn ra cho nên những thành ngữ, cách ngôn này vẫn là câu cửa miệng trong đời sống người dân.

Có thể nói, mỗi một thành ngữ, cách ngôn đều là sự khái quát những sự việc, hiện tượng, hành vi, cách ứng xử của con người trong đời sống. Thí dụ, nói về công việc giảng dạy và học tập của thầy và trò (*bài chưa xong, lòng chưa yên; học gì thi nấy; bám trường bám lớp...*), nói về những điều cần tránh trong giáo dục (*ngồi nhầm lớp (hay ngồi nhầm chỗ); nhất giám thị, nhị dự giờ; được giấy khen, ho hen chẳng còn (hay được tiếng khen, ho hen chẳng còn); trai trường lái, gái trường y...*). Như thế, những thành ngữ, cách ngôn vừa có tính chất ca ngợi, nêu gương lại vừa có tính chất cảnh báo, răn đe, giáo dục con người.

Trên đây chúng tôi mới chỉ nêu lên những ý nghĩa khái quát nhất của các thành ngữ, cách ngôn mới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo vào những giai đoạn lịch sử, văn hóa lớn của dân tộc. Có thể những thành ngữ, cách ngôn này chưa có tính điển hình cho những giai đoạn lịch sử, văn hóa nhưng dấu ấn văn hóa tồn lưu trong mỗi câu chữ, ngữ liệu của thành ngữ, cách ngôn là một kho báu quý giá của dân tộc đòi hỏi người nghiên cứu tiếp tục đi sâu xem xét và tìm hiểu.



### 3. Kết luận

**3.1.** Thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo nói riêng và thành ngữ, cách ngôn nói chung là những đơn vị ngôn ngữ rất đặc biệt. Nó không chỉ là những đơn vị định danh, đơn vị giao tiếp mà còn là những sáng tác nghệ thuật của quần chúng nhân dân. Nói cách khác, nó không chỉ được xem xét trên bình diện cấu trúc mà còn phải xem xét ở cả những phương diện về xã hội, lịch sử, văn hóa.

**3.2.** Nghiên cứu thành ngữ, cách ngôn trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là để nhận diện đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa về những hiện tượng giáo dục phổ biến, sự đánh giá của quần chúng nhân dân về giáo dục ở những thời điểm lịch sử khác nhau, từ đó góp phần nhìn nhận đánh giá toàn diện sự phát triển, đổi mới của hệ thống ngôn ngữ dân tộc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Hữu Châu (2000). *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn Khắc Giang (2019). Quán quân Olympia không trở về và nỗi lo chảy máu chất xám lỗi thời. <https://zingnews.vn/quan-quan-olympia-khong-tro-ve-va-noi-lo-chay-mau-chat-xam-loi-thoi-post991237.html>, ngày truy cập 18/09/2019.
- Nguyễn Thiện Giáp (2008). *Từ vựng học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hoàng Văn Hành (2008). *Thành ngữ học tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
- Trương Hữu Quỳnh (chủ biên) (2006). *Đại cương lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hữu Sơn (2018). Không muốn nuôi gà chọi, nhiều người đồng tình bỏ trường chuyên. <https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/khong-muon-nuoi-ga-choi-nhieu-nguoi-dong-tinh-bo-truong-chuyen-post194222.gd>, ngày truy cập 31/12/2018.
- Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1996). *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

### SUMMARY

#### CULTURAL, SOCIAL, AND LINGUISTIC ASPECT OF IDIOMS AND MAXIMS IN THE FIELD OF EDUCATION AND TRAINING

Idioms and maxims in the field of education and training are expressions that reflect the educational phenomena, educational processes, and social perspectives on education during different historical periods. This article collects idioms and maxims in the field of education and training, focuses on clarifying their structural and semantic characteristics, determines their formation and changing process over time and the socio-cultural imprints on them to help people gain a more comprehensive understanding about the development and renewal of the Vietnamese language system.

**Keywords:** Maxims; education and training; linguistic; idioms; social; culture.